

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ỦY BAN THẨM PHÁN

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 71/2019/DS-GĐT

Ngày: 26/11/2019

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến và ông Nguyễn Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Nh; sinh năm 1961; cư trú: Tổ 4, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Th, sinh năm 1954; cư trú: Tổ 3, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Kh, sinh năm 1958; cư trú: Tổ 3, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2014 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Nh trình bày:

Bà là chủ cửa hàng bán tạp hóa tại nhà. Khoảng tháng 7/2010, ông Nguyễn Th (là cháu gọi bà bằng mợ) đến cửa hàng mua các nhu yếu phẩm như thuốc lá, mì tôm,

nhang, đèn, card điện thoại,... để đi núi tìm trầm. Vì không có tiền thanh toán nên ông Th đề nghị bà cung cấp nhu yếu phẩm như trên cho mỗi chuyến đi núi của ông Th, nếu ông Th trúng trầm thì sẽ chia cho bà 30% tổng số tiền bán trầm. Thống nhất với đề nghị của ông Th, từ tháng 7/2010 đến 16/01/2013 bà đã cung cấp hàng hóa và tiền mặt cho ông Th tổng cộng khoảng 105.400.000 đồng. Hầu hết các chuyến đi trước đó, ông Th đều không tìm được trầm nên bà phải chịu lỗ. Đến khoảng 20 giờ ngày 23/3/2013 (12/02/2013 âm lịch), bà Huỳnh Thị Kh là vợ ông Th đến nhà đưa cho bà 2.000.000 đồng nói là ông Th đi tìm trầm với ông Chín Q (Lê Kim Q) trúng trầm bán được 15.000.000 đồng, chia đôi mỗi người được 7.500.000 đồng, ông Th chia cho bà Nh theo thỏa thuận 30% là 2.000.000 đồng. Sau đó, bà tìm hiểu thì được biết ông Th cùng với ông Chín Q trúng trầm được 1.600.000.000 đồng. Ông Th được chia 800.000.000 đồng nhưng không chia đủ cho bà 30% như thỏa thuận. Do đó, tháng 12/2013, bà khởi kiện yêu cầu ông Th trả cho bà số tiền nêu trên nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện. Nay bà tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông Th thực hiện việc thanh toán cho bà 240.000.000 đồng như thỏa thuận.

Bị đơn ông Nguyễn Th trình bày:

Ông không có quan hệ làm ăn, không nhận hàng hóa, tiền đầu tư hay thỏa thuận gì với bà Nh về việc chia tiền trúng trầm như bà Nh khai. Hiện nay, gia đình ông không nợ bà Nh bất kỳ một khoản tiền nào.

Người có quyền lợi liên quan bà Huỳnh Thị Kh (vợ ông Th) trình bày: Nhà bà và nhà bà Nh ở gần nhau nên bà hay đến cửa hàng của bà Nh mua hàng là mắm, muối, ... để chi dùng cho gia đình. Vì hoàn cảnh khó khăn nên bà hay mua nợ, khi nào có tiền thì trả. Gia đình bà mua nợ của bà Nh trong rất nhiều năm, tổng số tiền nợ khoảng 1.640.000 đồng. Ông Th không có việc làm nên thường xuyên đi núi tìm trầm nhưng không trúng. Đến đầu năm 2013, ông Th đi cùng ông Lê Kim Q trúng trầm và được chia 800.000.000 đồng, ông Th về đưa cho bà 700.000.000 đồng nên bà đến cửa hàng bà Nh trả nợ. Do trúng trầm nên bà đưa luôn bà Nh 2.000.000 đồng, không lấy lại tiền thừa chứ không có việc bà đưa 2.000.000 đồng cho bà Nh là chia 30% tiền trúng trầm như bà Nh khai. Hiện nay, gia đình bà không nợ tiền bà Nh nên không đồng ý với yêu cầu của bà Nh.

Người làm chứng ông Lê Kim Q trình bày: Ông với ông Th cùng nhau đi núi tìm trầm từ rất lâu nhưng ông chưa bao giờ nghe ông Th, bà Nh hoặc người khác nói về việc ông Th nhận nhu yếu phẩm của bà Nh, rồi thỏa thuận chia tiền như bà Nh trình bày. Ông xác nhận ông và ông Th trúng trầm được 1.600.000.000 đồng, ông Th được chia 800.000.000 đồng là đúng.

Người làm chứng ông Nguyễn Hùng H trình bày: Ông là em trai của chồng bà Nh, là cậu họ của ông Th. Khoảng tháng 7/2010, Ông và ông Th đi núi tìm trầm với nhau nhưng đều bị lỗ do không tìm được trầm. Ông và ông Th thỏa thuận đến nhận tiền

sắm chuyển của bà Nh với thỏa thuận nếu trúng sẽ chia cho bà Nh 20%, còn ông với ông Th được 80%. Những chuyến đi núi sau đó, ông có nhận của bà Nh lần đầu là 500.000 đồng, các lần tiếp theo là 600.000 đồng; còn ông Th thì lấy thuốc lá và card điện thoại nhưng không trúng trăm nên chưa chia tiền cho bà Nh được lần nào. Đến tháng 4/2011, do mẹ ông đau nặng nên ông không đi núi nữa, ông Th đi cùng những người khác nên ông hoàn toàn không biết giữa bà Nh với ông Th có thỏa thuận như thế nào nhưng có lần nghe ông Th nói “*đi hoài mà không có gì nên mợ bả buồn, nếu trúng thì chia cho mợ 30%*” và “*nay nhận đầu tư là 7/3 không phải 8/2 nữa*”.

Người làm chứng bà Trương Thị K trình bày:

Bà là hàng xóm của bà Nh. Đầu năm 2013, tôi đến nhà bà Nh mua mì gói, tôi có nghe cuộc nói chuyện giữa bà Kh (vợ ông Th) với bà Nh khi đến nhà bà Nh mua mì thì thấy trong nhà đông người nên đứng lại nói chuyện. Trước đó tôi có nghe chồng tôi nói chú Th đi rừng với chú Q trúng trăm khoảng 1.700.000.000 đồng nên tôi có hỏi cô Kh là “*chú đi rừng trúng nhiều lắm hả?*” thì cô Kh nói với tôi: “*trúng trăm gì đâu, được 15.000.000 đồng thôi, chia ra chú Th được 7.000.000 đồng, nay chia 70% cho chồng tôi, 30% cho mợ bả nên chồng tôi (Th) được 5.000.000 đồng, mợ bả (Nhưng) được 2.000.000 đồng*”. Về việc đầu tư hàng hóa đi rừng thì bà chỉ nghe bà Nh nói lại chứ bà không biết chính xác thế nào (bút lục 97-98).

Người làm chứng ông Nguyễn Phúc Th trình bày:

Tôi là hàng xóm của bà Nh. Khoảng tháng 3/2013, tôi đi đá bóng về có ghé vào nhà bà Nh uống nước. Tại đây tôi có nghe mọi người tụ tập nói chuyện. Tôi có nghe cô Đ hàng xóm nhà bà Nh nói giữa bà Nh, ông Th và bà Kh có làm ăn tìm được trăm khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, chia theo tỷ lệ 7/3, tức là bà Kh, ông Th được 70%, bà Nh 30%. Tôi có nghe bà Kh nói việc chia 7/3 này đã được vợ chồng bà Kh và bà Nh thỏa thuận với nhau, đi đến năm 2013 là được 03 năm (bút lục 99).

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Minh Th trình bày:

Tôi là hàng xóm của bà Nh. Khoảng tháng 3/2013, tôi có đến nhà bà Nh mua hàng, thấy đông người nên ngồi lại nghe chuyện giữa bà Nh với bà Kh. Chuyện là ông Th lấy tiền của bà Nh đi núi tìm trăm đến năm 2013 là đúng ba năm. Nghe bà Kh nói tháng 1/2013 âm lịch, bà Nh đưa ông Th 50.000 đồng và 01 cây thuốc để đi núi với ông Chín Q, đi núi và trúng trăm được 15.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng ăn nhậu còn lại chia đôi mỗi người được 7.000.000 đồng, giờ đưa cho bà Nh tỷ lệ 7/3 tức bà Kh 70%, bà Nh 30% là 2.000.000 đồng, trả tiền nợ mắm muối cho bà Nh 1.750.000 đồng, cho thêm là chẵn 2.000.000 đồng. Tôi thấy bà Kh đưa đủ 4.000.000 đồng cho bà Nh, sau đó cho con bà Nh 200.000 đồng, cho cô Đ 20.000 đồng. Tiếp đó bà Kh có nói, sau này đi về nếu trúng ba tỷ sẽ cho con bà Nh một tỷ, còn hai tỷ là bà Kh và bà Nh chia 7/3 (bút lục 101-102)

Người làm chứng ông Nguyễn Thành trình bày:

Tôi là cậu họ xa của ông Th và bác họ xa của bà Nh. Vào ngày 23/3/2013, tôi đến nhà bà Nh mua thuốc lá thấy đông người nên tôi có đứng lại nghe chuyện. Lúc đó có cả Nh và Kh, tôi nghe Nh nói với tôi là cháu Th đi núi về trúng trâm, rồi Nh gơ cho tôi thấy 2.000.000 đồng trên tay và nói do Kh trả cho cháu. Tôi thấy Kh cho con của Nh 200.000 đồng, cho Đục 20.000 đồng, tôi không nghe Kh nói gì hết, cũng không biết việc thỏa thuận làm ăn giữa Nh và Th như thế nào (bút lục 105).

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày:

Tôi là hàng xóm của bà Nh. Ngày 23/3/2013 tôi có qua nhà bà Nh mua trứng thì thấy đông người nên đứng lại nghe chuyện. Lúc đó tôi nghe bà Nh khoe với tôi là bà Nh có thỏa thuận làm ăn rồi được chia tỷ lệ 7/3 (tức 70% cho ông Th, 30% cho bà Nh), tôi chỉ nghe nói vậy chứ không thấy việc chia tiền thế nào (bút lục 107).

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Tôi có mối quan hệ họ hàng với bà Nh và ông Th. Ngày 23/3/2013, tôi đi đá bóng về rồi ghé quán bà Nh uống nước. Lúc đó trong nhà bà Nh có đông người đang nói chuyện với nhau. Tôi có nghe bà Kh nói với bà Nh và vài người nữa là nếu ông Th đi làm rừng về trúng trâm thì sẽ chia 7/3 tức 70% cho ông Th, 30% cho bà Nh. Tôi chỉ nghe nói chuyện như vậy còn có thỏa thuận ký giấy tờ gì thì tôi không biết (bút lục 107a).

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2015/DS-ST ngày 21/10/2015, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai quyết định:

Áp dụng Điều 25, Điều 33; Điều 131; khoản 1 Điều 210; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 282 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích Nh về việc yêu cầu ông Nguyễn Th phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 240.000.000 đồng cho bà Nh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 03/11/2015, bà Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 30/2016/DS-PT ngày 17/5/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Nh, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về phần án phí dân sự phúc thẩm.

Ngày 06/6/2016, bà Nh có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên và yêu cầu được giám định các đĩa ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà với ông Th, bà Kh.

- Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 22/2019/KN-DS ngày 14/10/2019, Chánh

án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 30/2016/DSPT-PT ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2015/DS-ST ngày 21/10/2015 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Bích Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Th thanh toán cho bà số tiền 240.000.000 đồng vì cho rằng giữa bà và ông Nguyễn Th có thỏa thuận miệng là bà Nh đầu tư hàng hóa gồm các nhu yếu phẩm cho ông Th để ông Th đi núi tìm trầm, nếu ông Th trúng trầm thì sẽ chia cho bà 30% tổng số tiền bán trầm. Từ tháng 7/2010 đến 16/01/2013, bà đã cung cấp hàng hóa và tiền mặt cho ông Th tổng cộng khoảng 105.400.000 đồng. Đầu năm 2013, ông Th trúng trầm và được chia 800.000.000 đồng nhưng không chia đủ 30% cho bà theo thỏa thuận. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, bà Nh cung cấp cho Tòa án 03 đĩa CD cùng danh sách họ tên và lời khai của một số người làm chứng.

Phía bị đơn ông Th cùng vợ là bà Huỳnh Thị Kh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thừa nhận có sự việc ông Th trúng trầm, nhưng không thừa nhận có việc bà Nh đầu tư cho ông Th cũng như không có sự thỏa thuận ăn chia giữa ông Th với bà Nh về việc trúng trầm.

Như vậy, việc ông Th trúng trầm là có thật, nhưng việc thỏa thuận ăn chia giữa ông Th với bà Nh có hay không là vấn đề cần làm sáng tỏ. Do không có văn bản thỏa thuận; theo nguyên đơn trình bày đôi bên chỉ thỏa thuận bằng miệng; về phía bị đơn thì không thừa nhận có sự thỏa thuận trên; cho nên việc giải quyết vụ án, chủ yếu dựa vào việc xem xét, đánh giá lời khai của những người làm chứng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Nguyễn Hùng H khai: *...Trong thời gian đi chung với ông Th, ông H và ông Th có thỏa thuận với bà Nh là nếu trúng trầm sẽ chia cho bà Nh 20%, còn ông H và ông Th 80% nhưng thời gian này ông Th và ông H đều thua lỗ nên không chia cho bà Nh 20% như thỏa thuận... “ông Th than vãn với tôi là đi núi nhiều mà không trúng trầm. Nay nhận đầu tư là 7/3 chứ không phải 8/2 nữa” (bút lục 164).* Những người làm chứng các ông bà Trương Thị K, Nguyễn Phúc Th, Nguyễn Thị Minh Th, Nguyễn Văn Th đều xác nhận vào ngày 12 tháng 12 năm 2013 âm lịch nhằm ngày 23 tháng 3 năm 2013 những người này đến nhà bà Nh uống nước, mua hàng hóa thì tình cờ nghe

cuộc nói chuyện giữa bà Kh (vợ ông Th) và bà Nh; cụ thể: Bà Trương Thị K khai: “...cô Kh nói với tôi: Trúng nhiều gì đâu, được 15.000.000 đồng thôi, chia ra chú Th được 7.000.000 đồng, nay chia 70% cho chồng tôi, 30% cho vợ bầy nên chồng tôi (Thạch) được 5.000.000 đồng, vợ bầy (Nh) được 2.000.000 đồng” (bút lục 97). Anh Nguyễn Phúc Th khai: “...Tôi có nghe bà Kh nói việc chia 7/3 này đã được vợ chồng bà Kh và bà Nh thỏa thuận với nhau, đi đến năm 2013 là được 03 năm” (bút lục 99). Chị Nguyễn Thị Minh Th khai: “...Nghe bà Kh nói đúng tháng 1/2013 âm lịch, bà Nh đưa ông Th 50.000 đồng và 01 cây thuốc để đi núi với ông Chín Q, đi núi về trúng trâm được 15.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng ăn nhậu còn lại chia đôi mỗi người được 7.000.000 đồng, giờ đưa cho bà Nh tỷ lệ 7/3 tức bà Kh 70%, bà Nh 30% là 2.000.000 đồng cho bà Nh... Tiếp đó bà Kh có nói, sau này đi về nếu trúng ba tỷ sẽ cho con bà Nh một tỷ, còn hai tỷ là bà Kh và bà Nh chia 7/3” (bút lục 101). Ông Nguyễn Văn Th khai: “...Tôi có nghe bà Kh nói với bà Nh và vài người nữa là nếu ông Th đi làm rừng về trúng trâm thì sẽ chia 7/3 tức 70% cho ông Th và 30% cho bà Nh” (bút lục 107a).

Các nhân chứng trình bày như trên, nhưng bị đơn ông Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kh không thừa nhận có việc lấy hàng, không thừa nhận phải chia phần cho bà Nh. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào lời khai của ông Th, bà Kh đề bác yêu cầu khởi kiện của bà Nh là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chưa tiến hành đối chất giữa ông Th với ông Hà; chưa đối chất giữa bà Kh với các nhân chứng nói trên về việc trong cùng một ngày, các nhân chứng đều gặp và chứng kiến cuộc nói chuyện giữa bà Kh và bà Nh tại quán nhà bà Nh; để từ đó có cơ sở xem xét, đánh giá khách quan lời khai của các bên, làm cơ sở giải quyết nội dung vụ án, thì mới đảm bảo được quyền lợi của đương sự.

[3] Nay bà Nh tiếp tục yêu cầu giám định đối với nội dung các đĩa CD mà Bà đã cung cấp cho Tòa án; theo bà Nh, các đĩa CD này là chứng cứ chứng minh việc bà và ông Th có thỏa thuận đầu tư và ăn chia khi ông Th trúng trâm. Vậy khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cần xác định chặt chẽ yêu cầu này, cần phải giải thích cho bà Nh biết sự cần thiết về việc trưng cầu giám định cũng như hậu quả pháp lý của việc không yêu cầu trưng cầu giám định, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của đương sự về việc thu thập chứng cứ, từ đó để bà Nh có sự lựa chọn nhất định.

[4] Do vụ án có tính chất phức tạp nên cần giao vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 22/2019/KN-DS ngày 14/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 30/2016/DS-PT ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2015/DS-ST ngày 21/10/2015 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
(2 bản kèm hồ sơ để giải quyết sơ thẩm lại);
- Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ, hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

VŨ THANH LIÊM